

Sự quay lại của chủ nghĩa bảo hộ - một yếu tố của tăng trưởng?

PHẠM SỸ AN

Bủ nghĩa bảo hộ thường được gắn với thương mại quốc tế với việc bảo vệ hàng hóa sản xuất trong nước tránh sức ép cạnh tranh từ bên ngoài. Bảo hộ hàng hóa sản xuất trong nước có nghĩa là thiết lập hàng rào thuế quan và phi thuế quan cao, nhằm hạn chế khả năng gia nhập thị trường nội địa của các tác nhân kinh tế nước ngoài.

Trong những năm gần đây, hội nhập vào nền kinh tế thế giới (thông qua WTO) đang là vấn đề thời sự cho nhiều nước, trong đó có Việt Nam. Việc mở cửa thị trường trong nước như thế nào cho hợp lý: nhiều hay ít, nhanh hay chậm cũng đang là chủ đề bàn cãi và chưa có hồi kết thúc. Trước sức ép từ phía các nước hiện đang là thành viên của WTO đối với các nước đang mong muốn được gia nhập WTO là phải hạ thấp hàng rào thuế quan và phi thuế quan; hai nhóm nước này cũng đang trong tình trạng đàm phán và dằng co. Liệu chúng ta có "nhượng bộ" để hạ thấp hàng rào thuế quan và phi thuế quan (giảm sự bảo hộ) tới mức yêu cầu của các nước tham gia đàm phán, hay "kiên quyết" chỉ giảm hàng rào bảo hộ ở một mức nào đó sẽ ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế sau khi gia nhập WTO. *Bảo hộ*, cái tên mà người ta có cảm giác được nghe vào những thập kỷ 70, 80 của thế kỷ trước, khi mà thời huy hoàng của chủ nghĩa bảo hộ xuất hiện ở các nước châu Mỹ - Latinh và cũng với cái tên ấy, nó lại bị chỉ trích nặng nề khi mà nhiều nước ở châu Mỹ - Latinh với chủ nghĩa bảo hộ bị sụp đổ. *Tự do hóa thương mại* nghe hiện đại hơn, tuy nó đã xuất hiện từ khá lâu và được các tổ chức quốc tế như Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF) hay Ngân hàng Thế giới (WB) và các nước phát triển cổ xúy đang dần dần len lỏi vào góc ngách của các nước chậm phát triển. Tuy nhiên, một thực

tế rõ ràng là các nước phát triển đang dần tăng bảo hộ cho sản phẩm nông nghiệp của họ. Học thuyết của Ricardo dường như không phù hợp với cách suy nghĩ dựa vào sức mạnh của các nước phát triển, trong khi kêu gọi tự do hóa thương mại thì họ lại bảo hộ. Chủ nghĩa bảo hộ, trên một khía cạnh nào đấy, đã quay trở lại và chỉ được phép ngự trị trong thế giới của các nước phát triển (các nước giàu), còn tự do sẽ là phần thưởng cho các nước đang phát triển (các nước nghèo).

Đứng trên vị trí các nước đang phát triển thì bảo hộ của các nước phát triển đối với hàng nông sản đã cướp đi một nguồn cung cấp ngoại tệ quan trọng nhằm tài trợ phần nào cho nhập khẩu những máy móc, thiết bị trong chiến lược công nghiệp hóa. Trong bài viết này, tác giả không chỉ tập trung vào các nước đang phát triển nói chung, mà còn tập trung vào Việt Nam với câu hỏi: vai trò của bảo hộ đối với tăng trưởng kinh tế và ngụ ý về mặt chính sách.

Adam Smith với cuốn sách nổi tiếng *Một câu hỏi cho bản chất và nguyên nhân giàu có của quốc gia* (An Inquiry into the Nature and Causes of the Wealth of Nations) xuất bản năm 1776 đã nêu lên tầm quan trọng của thương mại quốc tế. Ông cho rằng, thương mại quốc tế sẽ có lợi cho tất cả các quốc gia thông qua lợi thế tuyệt đối. Đến David Ricardo với cuốn sách *Nguyên tắc của nền kinh tế chính trị và thuế* (Principles of Political Economy and Taxation) năm 1817 đã đưa ra thuật ngữ lợi thế so sánh trong thương mại quốc tế. Lợi thế so sánh cho rằng, mỗi nước sẽ có một lợi thế sản xuất mặt hàng nào đấy so với các nước khác và chỉ nên sản xuất mặt hàng đó trong thương mại quốc tế.

Phạm Sỹ An, Viện Kinh tế Việt Nam.

Chẳng hạn, Mỹ sẽ sản xuất ô tô vì có lợi thế so sánh để sản xuất ô tô, Việt Nam sẽ sản xuất gạo vì có lợi thế so sánh để sản xuất gạo. Và hai nước sẽ tiến hành trao đổi hàng hóa cho nhau trong thương mại quốc tế. Kết thúc một quá trình trao đổi, cả hai nước đều có lợi. Tuy nhiên, Ricardo đã quên nhân tố tiền tệ trong trao đổi hàng hóa.

Sự cần thiết của chiến lược hướng ngoại

Trước hết, chúng ta hãy xem tầm quan trọng của xuất khẩu trong phương trình hàm tổng cầu của Keynes. Tổng cầu hay tổng thu nhập quốc gia bao gồm tiêu dùng của hộ gia đình (C_a - Tiêu dùng hàng hóa trong nước và C_f - Tiêu dùng hàng hóa nước ngoài), đầu tư (I_a - Đầu tư vào hàng hóa trong nước và I_f - Đầu tư vào máy móc, dụng cụ nước ngoài), chi tiêu của chính phủ (G_a - Chi tiêu của chính phủ vào hàng hóa trong nước và G_f - Chi tiêu của chính phủ vào hàng hóa nước ngoài), và xuất khẩu (X). Xuất khẩu là nhân tố đặt biệt quan trọng trong hàm tổng cầu vì ba lý do sau đây: (1) Xuất khẩu là nhân tố duy nhất có cầu bắt nguồn từ nền kinh tế bên ngoài, (2) Xuất khẩu là thành phần duy nhất có thể thu được ngoại tệ để đáp ứng tiêu dùng của hộ gia đình, đầu tư, và chi tiêu của chính phủ vào hàng hóa nước ngoài, (3) Xuất khẩu để cho phép nhập khẩu, nghĩa là xuất khẩu thu ngoại tệ để nhập khẩu máy móc, trang thiết bị phục vụ sản xuất trong nước với điều kiện không có sự thay thế giữa hàng hóa sản xuất trong nước và hàng hóa sản xuất ở nước ngoài, nếu có thì việc sản xuất máy móc, dụng cụ nội địa là không hiệu quả (Thirlwall, 2002). Với tầm quan trọng của xuất khẩu như vậy, một chiến lược hướng ngoại lâu dài là cần thiết cho mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa (tăng trưởng xuất khẩu càng lớn, càng thu được nhiều ngoại tệ, và càng có nhiều cơ hội mua máy móc, trang thiết bị hiện đại từ bên ngoài nhằm phục vụ cho quá trình sản xuất trong nước).

Tự do hóa thương mại - con dao hai lưỡi

Tự do hóa thương mại thường được kỳ vọng như một biện pháp để thúc đẩy tăng trưởng. Các tổ chức quốc tế lớn như IMF, WB và các nước phát triển kêu gọi các nước đang phát triển mở cửa thương mại, họ quy cho sự chậm phát triển của các nước này là do việc hạn chế thương mại và bóp méo nền kinh tế. Đối với họ (IMF, WB và các nước phát triển) thì tự do hóa thương mại sẽ thúc đẩy xuất khẩu và phân phối lại nguồn lực sản xuất trong nước một cách hiệu quả nhất. Tuy nhiên, có nhiều nghiên cứu chỉ ra rằng, tự do hóa thương mại ban đầu sẽ thúc đẩy tăng trưởng thông qua phân phối lại nguồn lực hiệu quả hơn, sau đó, tăng trưởng sẽ bị hạn chế bởi chính sự hạn chế trong quá trình thương mại: tăng trưởng nhập khẩu luôn cao hơn tăng trưởng xuất khẩu (xem Rodriguez và Rodrik, 2000; Parikh, 2004). Nhưng cũng không ít những nghiên cứu cho thấy tương quan dương giữa tự do hóa thương mại và tăng trưởng (xem Rutherford và Tarr, 1998; Dollar và Kraay, 2001). Trong khi những cuộc tranh luận về mối quan hệ giữa tự do hóa thương mại và tăng trưởng kinh tế chưa có điểm dừng, thì việc các nước đang phát triển dần dỡ bỏ hàng rào thuế quan và phi thuế quan, còn các nước phát triển tăng dần bảo hộ là một thực tế chỉ ra rằng: tăng trưởng của các nước nghèo sẽ ảnh hưởng đến các nước giàu và đây là điều mà các nước giàu lo ngại, biện pháp kém song phẳng nhất có thể là bảo hộ và trợ cấp (Reardorff, 2000; Spanu, 2003).

Các nước nghèo xuất khẩu dựa chủ yếu vào sản phẩm nông nghiệp, đây là nguồn thu ngoại tệ chính của nhiều nước châu Phi và châu Á; tuy nhiên, việc các nước giàu bảo hộ và trợ cấp cho sản phẩm nông nghiệp của họ đã khép cánh cửa mưu sinh của nhiều nước nghèo. Một ví dụ điển hình cho sự khốn khổ là Haiti, "Nơi từ năm 1995 đã bị buộc phải giảm thuế nhập khẩu gạo

từ 35% xuống chỉ còn 5% dưới sức ép của IMF. Kết quả là nhập khẩu gạo đã tăng 150% trong vòng 9 năm. Ngày nay, cứ 3 trong 4 bát cơm người Haiti ăn có xuất xứ từ Mỹ. Sinh kế của người nông dân cũng bị tàn phá và những vùng trồng lúa hiện nay trở nên những vùng thiếu dinh dưỡng và nghèo đói nhất nước" (Việt Phương, 2005). Đối với sản phẩm công nghiệp được sản xuất tại các nước đang phát triển thì không thể cạnh tranh được với các nước phát triển, hơn nữa các nước này còn phải nhập khẩu máy móc và thiết bị từ các nước phát triển nhằm phục vụ cho quá trình công nghiệp hóa.

Tự do hóa thương mại, nếu không khéo sẽ rơi vào cái *bẫy tự do* của các nước, như Mông Cổ và Cam-pu-chia. Chẳng hạn như Mông Cổ, nhượng bộ quá mức để nhanh chóng gia nhập WTO đã đẩy ngành bông của nước này vào con đường cùng. Tự do hóa thương mại, một mặt sẽ phân phối lại nguồn lực sản xuất hiệu quả nhất thông qua cạnh tranh, tăng đầu tư trực tiếp nước ngoài, tăng lợi ích thương mại tĩnh (static trade gains) và lợi ích thương mại động (dynamic trade gains); một mặt sẽ phải chịu sức ép từ thâm hụt cán cân thương mại và cuộc chiến đấu không ngừng nghỉ từ các nước giàu: tự do hóa thương mại chính là con dao hai lưỡi. Như Bloomer, người đứng đầu cuộc vận động "Hãy làm cho thương mại được công bằng" (Make Trade Fair) của Oxfam Quốc tế nói: "Các nước nghèo đã buộc phải tự do hóa thương mại nhanh hơn và sâu hơn bất cứ cường quốc công nghiệp nào trong lịch sử" và "... các nước giàu đòi các nước nghèo phải hạ thấp rào cản đối với thương mại, nhưng đồng thời họ lại trợ cấp ô ạt, sản xuất thừa và bán phá giá" (Việt Phương, 2005).

Dưới đây, chúng tôi sẽ đưa ra mô hình Thirlwall thể hiện tầm quan trọng của thương mại quốc tế đến tăng trưởng kinh tế và thể hiện như thế nào bảo hộ lại có thể đóng một vai trò nhất định đến tăng trưởng kinh tế.

Mô hình Thirlwall

Trước khi đi đến mô hình Thirlwall, chúng ta bắt đầu bởi *số nhân ngoại thương tĩnh Harrod* (static Harrod foreign trade multiplier). Với giả sử không tiết kiệm, không đầu tư, không chi tiêu của chính phủ và không thuế, Harrod (1933) đã đi đến kết quả:

$$dY/dX = 1/\mu \text{ hay } dY = dX/\mu (*)$$

Trong đó, Y là thu nhập, X là xuất khẩu, và μ là xu hướng nhập khẩu biên.

Phương trình trên ngụ ý rằng: thu nhập thay đổi tăng hay giảm phụ thuộc vào sự thay đổi của xuất khẩu và xu hướng nhập khẩu biên. Tuy nhiên, công thức trên bị hạn chế rất nhiều do những giả sử suy ra nó rất thiếu thực tế.

Cũng tương tự như số nhân ngoại thương tĩnh Harrod, Thirlwall (1979) phát biểu một mô hình mà kết quả của nó được gọi là luật Thirlwall (Thirlwall's Law) như sau:

$$y = \frac{x}{\pi} (**)$$

Trong đó, y là tăng trưởng thu nhập hay GDP, x là tăng trưởng xuất khẩu, và π là độ co giãn của nhu cầu nhập khẩu đối với thu nhập.

Luật Thirlwall được áp dụng cho nhiều nước đang phát triển và cả các nước phát triển, nó đều tỏ ra thích hợp trong việc giải thích cho tăng trưởng (xem Ferpeira và Canuto, 2003; Lopez, 2003; Bianchi, 2004). Luật Thirlwall phát biểu rằng: tăng trưởng của một quốc gia phụ thuộc vào tăng trưởng xuất khẩu và độ co giãn của nhu cầu nhập khẩu đối với thu nhập. Tăng trưởng xuất khẩu càng lớn thì tăng trưởng GDP càng lớn, còn ngược lại, π càng lớn thì tăng trưởng GDP sẽ càng giảm. Bây giờ chúng ta xem xét đến từng thành phần của công thức (**).

Xuất khẩu

Xuất khẩu của các nước đang phát triển dựa chủ yếu vào sản phẩm nông nghiệp hay các hoạt động dựa vào đất. Giá của các sản phẩm nông nghiệp giảm tương đối so với

sản phẩm chế tạo từ những năm đầu của thập kỷ 80 khoảng 1 phần trăm mỗi năm (Parkh và Stirbu, 2004). Như vậy, để duy trì giá trị xuất khẩu không đổi thì các nước đang phát triển phải xuất khẩu với khối lượng nhiều hơn. Đây chính là nhân tố tiền tệ mà Ricardo đã quên trong thương mại quốc tế. Một điều nữa không may mắn cho các nước đang phát triển là sản phẩm nông nghiệp thường có hệ số co giãn của cầu theo thu nhập nhỏ hơn 1 (Luật Engel), thu nhập thế giới tăng thì nhu cầu cho sản phẩm nông nghiệp không tăng lên tương ứng. Còn ngược lại, hệ số co giãn của cầu các sản phẩm công nghiệp theo thu nhập thường lớn hơn 1. Đây là điều có lợi cho cực Bắc (các nước giàu) và có hại cho cực Nam (các nước nghèo). Để xuất khẩu không rơi vào thế bất lợi, một ngụ ý hiển nhiên là các nước đang phát triển cần đa dạng hóa sản phẩm xuất khẩu, tập trung vào các sản phẩm công nghiệp và chế tạo có hàm lượng trí tuệ cao hơn là vào những mặt hàng dựa vào điều kiện tự nhiên. Làm thế nào để phát triển các sản phẩm công nghiệp tại các nước đang phát triển trong khi sản phẩm công nghiệp của các nước phát triển đang ở thế ngự trị. Thế ngự trị ở đây nhằm vào lợi thế cạnh tranh với các đặc tính thượng đẳng phi giá như tính năng của sản phẩm, chất lượng sản phẩm, và khả năng tiếp cận thị trường.

Nhập khẩu

Độ co giãn của cầu nhập khẩu theo thu nhập được mô tả ở trên mang ý nghĩa: thu nhập tăng lên một phần trăm thì nhu cầu nhập khẩu tăng lên bao nhiêu phần trăm. Chú ý rằng: hàm cầu nhập khẩu là một hàm của tỷ giá hối đoái thực và tổng thu nhập trong nước. Cầu nhập khẩu thường được kỳ vọng có hệ số âm với tỷ giá hối đoái thực và có hệ số dương với tổng thu nhập trong nước.

Độ co giãn của cầu nhập khẩu theo thu nhập được xác định phần lớn bởi tài sản tài nguyên thiên nhiên và những đặc tính của

hàng hóa là sản phẩm của lịch sử và nó không phụ thuộc vào tăng trưởng thu nhập (Thirlwall, 2002). Độ co giãn theo thu nhập của các sản phẩm nông nghiệp thường nhỏ hơn 1, còn độ co giãn của các sản phẩm chế tạo thường lớn hơn 1. Đây là một điều không may mắn mà tự nhiên và lịch sử ban tặng cho các nước đang phát triển. Để hạn chế nhập khẩu mà vẫn bảo đảm cho quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, một hàng rào dựng lên dành cho hàng tiêu dùng nhập khẩu đôi khi là cần thiết (như trường hợp của Việt Nam năm 1996, thâm hụt tài khoản vãng lai trên GDP lên tới mức báo động (- 16%) đã buộc Chính phủ phải có biện pháp hạn chế nhập khẩu hàng tiêu dùng). Tuy nhiên, theo như phương trình tổng cầu của Keynes ở trên, tiêu dùng của hộ gia đình bao gồm tiêu dùng sản phẩm trong nước và tiêu dùng sản phẩm nước ngoài, nếu hạn chế nhập khẩu hàng tiêu dùng, tức là hạn chế độ thoả dụng của người tiêu dùng và như vậy hạn chế độ thoả dụng xã hội (độ thoả dụng xã hội được định nghĩa như tổng độ thoả dụng của các cá nhân trong xã hội - Varian, 1992) và có khả năng hạn chế cạnh tranh của các hãng nước ngoài, điều này sẽ dẫn đến cân bằng Pareto không được đảm bảo. Đây là một sự đánh đổi giữa hai mục tiêu. Tất cả điều trên, đơn giản, chỉ ngụ ý rằng nếu chúng ta đặt lên rào cản quá cao, khả năng tham gia thị trường của các hãng nước ngoài sẽ ít đi, sức cạnh tranh sẽ giảm và lúc này người tiêu dùng có thể sẽ phải hứng chịu những cái gọi là bóp méo giá cả và bóp méo chất lượng sản phẩm do chính sách can thiệp của Nhà nước gây ra.

Bảo hộ - kẻ thù của tự do - đôi khi là cần thiết cho tăng trưởng

Những phân tích ở trên chỉ ra rằng, các nước đang phát triển cần phải đa dạng hóa xuất khẩu sang các mặt hàng chế tạo với giá trị gia tăng cao hơn là chỉ tập trung vào các sản phẩm nông nghiệp hay các sản phẩm dựa vào điều kiện tự nhiên với giá

trị gia nhập. Tuy nhiên, để chuyển cấu trúc sản xuất không phải là dễ khi không có chính sách bảo hộ thích hợp. Ngụ ý ở đây là cần phải có một chính sách bảo hộ thích hợp trong quá trình chuyển đổi cơ cấu sản xuất trong giai đoạn mong muốn công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Chiến lược này còn gọi là chiến lược thay thế nhập khẩu mà hiện nay dường như Việt Nam đang thực hiện (số ngành thay thế nhập khẩu của Việt Nam có mức tăng trưởng cao hơn mức tăng trưởng chung toàn ngành, là cao hơn rất nhiều so với số ngành xuất khẩu có mức tăng trưởng cao hơn mức tăng trưởng chung toàn ngành - Báo cáo kinh tế năm, 2002). Có bảo hộ nhằm vào các ngành công nghiệp non trẻ, chúng ta mới có thể tránh được sức cạnh tranh mạnh mẽ từ "những nước công nghiệp già" đầy kinh nghiệm trong thâm nhập thị trường và đánh bại đối thủ. Chú ý rằng, bảo hộ ở đây nhằm mục đích cho việc chuyển dịch cấu trúc sản xuất sao cho nhanh nhất, nhằm mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa dài hạn, chứ không phải bảo hộ để bảo vệ lợi ích của một nhóm ngành kém hiệu quả nào đó trước sức ép của cạnh tranh. Việt Nam đang trong quá trình công nghiệp hóa, một điều không thể tránh khỏi là cần phải bảo hộ, đây không phải là một tư duy của những thế kỷ cũ rích, bảo thủ. Cần nhìn vào quá khứ để biết rằng, không một nước nào đi lên con đường công nghiệp hóa mà không có bảo hộ, ngoại trừ trường hợp đặc biệt là nước Anh và được minh chứng một cách hoàn hảo là Nhật Bản và Hàn Quốc. Tuy nhiên, cần nhắc lại lần nữa: bảo hộ không nhằm mục đích bảo vệ cho sự đầu tư phi hiệu quả, thụ động nấp sau hàng rào bảo hộ, mà bảo hộ nhằm mục đích dài hạn và cao hơn đó là: dịch chuyển cấu trúc sản xuất nhằm tăng khả năng xuất khẩu những mặt hàng chế tạo (có hệ số co giãn của cầu đối với thu nhập lớn hơn 1), và nhằm vào thúc đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong tương lai.

Việt Nam chuẩn bị hội nhập vào nền kinh tế thế giới, những "cuộc chiến đấu" trên bàn đàm phán đặc biệt với các nước công nghiệp có tính chất quyết định cho tăng trưởng tương lai, ngoài việc nhượng bộ mở cửa nhiều ngành và nhiều lĩnh vực là cần thiết, thì việc bảo hộ nhằm mục tiêu dài hạn như đã phân tích ở trên là không kém phần quan trọng. Chúng ta cần phải làm điều này để khỏi rơi vào cái bẫy của tự do hóa - con dao hai lưỡi như trường hợp của Mông Cổ hay Cam-pu-chia.

Bài viết kết thúc với lời dạy của một nhà kinh tế học nổi tiếng cho một nhà kinh tế học nổi tiếng khác trong quyển "The Nature of Economic Growth" của Thirlwall (2002) như sau:

Nicholas Kaldor dạy cho Ajit Singh khi ông ta lần đầu tiên tới Cambridge để nghiên cứu kinh tế ba điều: *Điều 1*: cách duy nhất để một quốc gia phát triển là công nghiệp hóa. *Điều 2*: cách duy nhất cho một quốc gia công nghiệp hóa là bảo hộ. Và *điều 3*: một ai đó nói cách khác đều là không thành thật! Họ (IMF, WB, và các nước công nghiệp nói chung) thuyết giáo tự do hóa thương mại cho các nước đang phát triển, nhưng họ lại bảo vệ thị trường của chính mình. Có một trường hợp kinh tế cho sự bảo hộ là để thay đổi cấu trúc sản xuất và để cải thiện cán cân thanh toán, nhưng nó (sự bảo hộ) cần được thực hiện với sự thận trọng và sự khéo léo để tránh bảo hộ cho những ngành công nghiệp phi hiệu quả với chi phí cao và những mục đích trực lợi./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Báo cáo Kinh tế năm (2002), *Kinh tế Việt Nam 2002: Tư duy chính sách mới cho giai đoạn phát triển mới* (Không xuất bản), Viện Kinh tế học - Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia, Hà Nội.
- Bianchi, C. (2004), "The Growth Performance and Prospects in Europe: a Kaldorian Approach" (?)
- Dollar and Kraay (2001), "Trade, Growth, and Poverty", Development Research Group, The World Bank.

- Ferpeira, A. L. and Canuto, O. (2003), "Thirlwall's Law and Foreign Capital in Brazil", (?)
- Harrod (1933), *International Economics*, Cambridge University Press, Cambridge, England.
- Lopez, P. P. (2003), "The Impact of Trade Liberalization on the Trade Balance, the Balance of Payments and Economic Growth: the Case of Mexico", European Trade Study Group, Fifth Annual Conference, 11-13 September 2003, Madrid, Spain.
- Parikh, A. and Stirbu, C. (2004), "Relationship between Trade Liberalization, Economic Growth and Trade Balance: an Econometric Investigation", HWWA Discussion Paper 282, Hamburg Institute of International Economics.
- Parikh, A. (2004), "Relationship between Trade Liberalization, Growth and Balance of Payments in Developing Countries: An Econometric Study", HWWA Discussion paper 286, Hamburg Institute of International Economics.
- Rodrignex, F. and Rodrik, A. (2000), "Trade Policy and Economic Growth: A Skeptic's Guide to the Cross-National Evidence", (?)
- Rutherford, T. F. and Tarr, D. G. (1998), "Trade Liberalization and Endogenous Growth in a Small Open Economy - a Quantitative Assessment", Development Research Group, The World Bank.
- Reardorff, A.V. (2000), 'Developing Country Growth and Developed Country Response', Paper prepared for the Conference "Dynamics, Economic Growth, and International Trade", University of Rome "La Sapienza", June 22-24, 2000.
- Spanu, V. (2003), "Liberalization of the International Trade and Economic Growth: Implications for both Developed and Developing Countries", Bài chuẩn bị cho khoá học về chủ đề One Way or Many tại Harvard's Kenedy School of Government và Harvard Law School.
- Thirlwall, A. P. (1979), "The Balance of Payments Constraint as an Explanation of International Growth Rate Differences", *Banca Nazionale Del Lavoro Quarterly Review* 128.
- Thirlwall, A.P. (2002), *The Nature of Economic Growth: an Alternative Framework for Understanding the Performance of Nations*, Edward Elgar, America.
- Varian, H. R. (1992), *Microeconomic Analysis* (3rd Edn), W,W, Norton&Company, the United State of America.
- Việt Phương (2004), WTO là đấu trường nông sản mới với các nước nghèo, vnexpress, [Truy cập từ www.vnexpress.net/Vietnam/Kinh-doanh/Duong-vao-WTO/2005/04/3B9D2E7/ ngày 11/06/2005]